

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 21/01/2025
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và ông Y BLao BKrông

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy L - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 872/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2024, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 18/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Tường V**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Tống Xuân N**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị Tường V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông Tống Xuân N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2019 tại UBND phường E, thành phố B. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay bà V xác định không còn tình cảm và không còn thương yêu ông N nên làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có

2. Bị đơn ông Tống Xuân N đã được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết bà V và ông N sống chung có đăng kí kết hôn và có cư trú tại địa phương. Quá trình sinh sống vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra nên bà V đã bỏ đi khỏi địa phương và đã sống ly thân nhau còn ông N hiện

nay đang còn cư trú tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật tố tụng dân sự còn bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, Điều 52, Khoản 1 Điều 53, Điều 54, Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Tường V

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Tường V được ly hôn với ông Tống Xuân N.

+ Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là ly hôn đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Tường V và ông Tống Xuân N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân bà V và ông N có nhiều mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân chính do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên bà V và ông N đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà V và ông N đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V, cho bà V được ly hôn với ông N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà V xác định không có nên không giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Phan Thị Tường V phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật và được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228 Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tường V;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Tường V được ly hôn với ông Tống Xuân N.

Về con chung: Bà Phan Thị Tường V và ông Tống Xuân N không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Tường V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị Tường V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012553 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND P. Ea Tam;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Mai

